TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2021
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xươnne

2. Ông Thiều Hoàng Mới

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Bà Đặng Xuân Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 137/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp *"Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1956.

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện K, tỉnh S.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị G, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện K, tỉnh S.

(Các đương sự cùng có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng vào năm 2008. Quan hệ vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả.

Về con chung: anh N và chị G có 01 con chung tên là Nguyễn Lê Thi T, sinh ngày 24/7/2009.

Nay anh N yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị G.

Anh N yêu cầu được nuôi con chung tên là Nguyễn Lê Thi T, sinh ngày 24/7/2009. Không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, anh N và chị G có tạo lập được tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tường trình ngày 23/4/2021, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là chị Lê Thị G trình bày:

Chị G không đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn N vì trong quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì, đồng thời do anh N không chịu sang tên đất cho chị nên chị cương quyết không ký tên ly hôn.

Về con chung: chị và anh N có 01 con chung tên là Nguyễn Lê Thi T, sinh ngày 24/7/2009.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, chị G và anh N có tài sản chung gồm một số vật dụng sinh hoạt gia đình có giá trị khoảng 200.000.000 đồng; 01 phần đất có giá trị 120.000.000 đồng và 01 chiếc xe gắn máy giá trị khoảng 47.000.000 đồng.

Về nợ chung: không có.

Nếu Tòa án giải quyết cho anh N ly hôn thì chị G có các ý kiến sau:

Chị G đồng ý giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: do có tài sản chung nên chị G yêu cầu anh N phải chia đất và nhà thì chị mới đồng ý ký tên ly hôn.

Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và tư cách của người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy quan hệ vợ chồng giữa anh N và chị G đã mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N.

Về con chung: Do con chung tên là Nguyễn Lê Thi T, sinh ngày 24/7/2009 có nguyện vọng được sống cùng với anh N và cũng phù hợp với ý kiến giao con của chị G, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N, giao con chung tên là Nguyễn Lê Thi T, sinh ngày 24/7/2009 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên Tòa, do anh N không có yêu cầu nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung do đương sự không có tranh chấp và yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, tại phiên Tòa, bị đơn cũng thừa nhận không còn tình cảm gì với nguyên đơn, bị đơn không đồng ý ly hôn do nguyên đơn chưa phân chia tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ và chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Theo lời khai của nguyên đơn cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên là Nguyễn Lê Thi T, sinh ngày 24/7/2009, hiện đang ở cùng với nguyên đơn và bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Lê Thi T có nguyện vọng "muốn ở với cha là Nguyễn Văn N". Xét thấy, để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm sinh lý, gây ra những ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển bình thường của con chung, và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn, tiếp tục giao con chung tên là Nguyễn Lê Thi T, sinh ngày 24/7/2009 cho nguyên đơn nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không có yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con, đồng thời cũng không có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bị đơn nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phải đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có nộp Tờ tường trình ngày 23/4/2021 trình bày về những tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Theo Biên bản hòa giải ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách có thể hiện ý kiến của bị đơn như sau: "….do chúng tôi có tài sản chung nên tôi sẽ làm đơn yêu cầu chia tài sản chung gửi cho Tòa án xem xét. Tôi

cam kết trong thời hạn 10 ngày tôi sẽ làm đơn yêu cầu gửi cho Tòa án. Nếu quá thời hạn nêu trên thì xem như tôi không có yêu cầu gì và sẽ khởi kiện sau", đồng thời, tại Thông báo số 284/2021/TB.TAH ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách cũng đã thông báo và quy định: "…Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày chị Lê Thị G nhận được thông báo này hoặc thông báo này được tống đạt hợp lệ theo quy định của của Bộ luật tố tụng Dân sự, yêu cầu chị G phải nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung và các chứng cứ để chứng minh kèm theo đơn cho Tòa án. Nếu quá thời hạn nêu trên mà chị G không nộp đơn và không nộp chứng cứ đẻ chứng minh thì xem như chị G không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung trong vụ án này và sẽ phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật". Tuy nhiên, đã hết thời hạn mà bị đơn tự cam kết và Tòa án quy định nhưng bị đơn không nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung và cũng không cung cấp chứng cứ để chứng minh, vì vậy, xem như bị đơn không có yêu cầu hay tranh chấp gì về tài sản chung giữa vợ chồng trong vụ án này. Bên cạnh đó, do nguyên đơn khai là tự thỏa thuận. Cho nên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét vấn đề chia tài sản chung giữa nguyên đơn và bị đơn. Nếu sau này, giữa nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Do nguyên đơn và bị đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để giải quyết.

[7] Về án phí HNST: Nguyên đơn phải chịu án phí HNST.

[8] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị G.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Lê Thi T, sinh ngày 24/7/2009 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Lê Thị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung tên là Nguyễn Lê Thi T, sinh ngày 24/7/2009 do anh N không có yêu cầu.

4. Về tài sản chung: Do anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị G không có yêu cầu hay tranh chấp gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

5. Về nợ chung: Do anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị G khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

6. Về án phí, chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm. Do anh N được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và tiền án phí thuộc trường hợp người cao tuổi nên xem như xong, không có hoàn lại gì.

7. Án xử công khai, anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị G có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- CCTHADS huyện Kế Sách;
- UBND xã (thị trấn) cấp giấy CNKH
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hải Duy